

Biện pháp ngăn chặn: Nguyễn Tiến D bị bắt theo Lệnh truy nã, bị tạm giữ từ ngày 02/10/2019 đến ngày 05/10/2019 chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt tại phiên tòa).

** Bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995
ĐKHKT: Thôn Bình Xuyên, xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa
2. Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1994
ĐKHKT: Thôn Bình Xuyên, xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa
(chị Thủy, anh Hoàng đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1995
ĐKHKT; Xóm Kim Long, xã Bình Sơn, TP Sông Công, Thái Nguyên.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

** Người làm chứng:*

1. Anh Mạc Văn T, sinh năm 1991
ĐKHKT: Thôn Kiện Đông, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
2. Bà Phạm Thị O, sinh năm 1965
ĐKHKT: Thôn Kiện Đông, xã Cẩm Lý, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên Nguyễn Tiến D thường xuyên đến quán nước của vợ chồng chị Nguyễn Thị T (Sinh năm 1995) và anh Trịnh Văn H (Sinh năm 1994), cùng trú tại: thôn Bình Xuyên, xã Cẩm Tú, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa ở phường Đồng Tiến, Phố Yên, Thái Nguyên chơi. Ngày 28/3/2019, D đến quán của chị T và anh H, cả hai nhờ D bán hộ 01 chiếc điện thoại Iphone 5S và 01 chiếc điện thoại Samsung A5 được Dưng nhận lời. Sau đó, D tiếp tục vay của chị T số tiền 1.000.000 đồng và hẹn với chị T là mấy hôm nữa sẽ trả tiền cả 02 chiếc điện thoại trên và số tiền 1.000.000 đồng D vay của chị T rồi ra về. Sau khi ra về, D đem 02 chiếc điện thoại di động trên đi bán được số tiền 2.000.000 đồng và sử dụng tiêu xài cá nhân hết cùng với số tiền 1.000.000 đồng vay của chị T. Do lại muốn có tiền chi tiêu nên D đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của vợ chồng chị T. Ngày 31/3/2019, D đến quán nước của chị T chơi rồi đưa ra thông tin giả về việc anh trai D ở dưới Bắc Ninh lên chơi và hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter Biển kiểm soát (BKS) 36L1 – 079.29 của vợ chồng chị T để đi đón. Sau khi mượn được xe,

D mang ngay đến quán cầm đồ 88, có địa chỉ ở tổ dân phố Đại Cát, phường Đồng Tiến, để cầm cố cho anh Nguyễn Văn D (Sinh năm 1995, trú tại: xóm Kim Long 2, xã Bình Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên) lấy số tiền 8.000.000 đồng. Anh D hỏi giấy tờ xe thì Dũng nói dối là để quên ở nhà và hẹn hai ngày sau sẽ mang giấy tờ xe đến cho anh Dân. Do tin tưởng, anh D đã cho D vay số tiền 8.000.000 đồng và đồng ý cho D để lại xe mô tô nhưng không viết giấy tờ gì. Nhận tiền xong, D sử dụng để chi tiêu cá nhân hết và cắt đứt liên lạc với gia đình chị T.

Do không thấy D trả xe, ngày 03/4/2019, chị Thúy đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phổ Yên đã ra Quyết định truy tìm vật chứng đối với chiếc xe mô tô BKS 36L1-079.29. Đến ngày 07/4/2019, Nguyễn Văn D đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe mô tô mà D đã cầm cố cho D vào ngày 31/3/2019. Bản thân Nguyễn Văn D khai nhận không biết chiếc xe mô tô trên là do Nguyễn Tiến D phạm tội mà có tuy nhiên giữa D và vợ chồng chị Thúy đã tự thỏa thuận và thống nhất vợ chồng chị T hỗ trợ cho Dân số tiền 4.000.000 đồng trong tổng số tiền 8.000.000 đồng mà D đã đưa cho D khi D cầm cố xe. Đối với số tiền 4.000.000 đồng còn lại, D không yêu cầu D phải trả.

Ngày 08/4/2019 CQĐT Công an thị xã Phổ Yên ra yêu cầu định giá số 39/CSĐT đối với chiếc xe mô tô của chị T, anh Hoàng do D chiếm đoạt. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 34 ngày 09/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên, kết luận: *“01 xe mô tô Yamaha Exciter màu sơn xanh bạc Biển kiểm soát 36L1 – 079.29 có tổng trị giá là 36.500.000 đồng.”*

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu sơn xanh bạc BKS 36L1 – 079.29, nêu trên được Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T quản lý sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự, chị Thúy, anh Hoàng đề nghị Nguyễn Tiến D phải trả cho chị tổng cộng số tiền là 7.000.000 đồng, bao gồm:

- Tiền D vay: 1.000.000 đồng;
- Tiền bán hộ 02 chiếc điện thoại: 2.000.000 đồng;
- Tiền chuộc xe mô tô cho anh D: 4.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Tiến D cũng đã tự giao nộp số tiền 3.000.000 đồng tại CQĐT để trả lại cho chị Thúy (Số tiền hiện được gửi tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên).

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số: 24/CT - VKSPY ngày 07/01/2020 của VKS nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố Nguyễn Tiến Dũng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Nguyễn Tiến D tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Do đó, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng.

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự

Nhân thân: Tại Bản án số 386/2012/HSST ngày 30/12/2012, TAND huyện Từ Liêm, TP Hà Nội xử phạt 13 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Đã chấp hành xong bản án đương nhiên được xóa án tích.

Các tình tiết giảm nhẹ được hưởng: điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Tình tiết tăng nặng: Không phải chịu.

Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tiến Dũng đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản

*Hình phạt chính: Đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 -36 tháng tù

*Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

*Về TNDS: Ghi nhận bị cáo nhất trí bồi thường cho người bị hại số tiền: 7000.000đ; đã bồi thường trước 3.000.000đ nộp cho CQĐT để trả cho người bị hại.

Người liên quan anh Nguyễn Văn D không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

*Án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của của bị cáo: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, tuy nhiên về hình phạt tù VKS đề nghị mức án quá nặng đối với bị cáo, hành vi của bị cáo không đến mức phải chịu hình phạt tù quá cao như vậy, đề nghị Toà án cho hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Phản đối đáp: VKS đưa ra mức án đề nghị HĐXX xem xét lượng hình đối với bị cáo D trong khung hình phạt, bởi hành vi của bị cáo là nguy hiểm, tài sản của bị hại có giá trị 36.500.000 đồng, là rất lớn, sau khi phạm tội bị cáo lại bỏ trốn, CQĐT phải ra Quyết định truy nã, gây khó khăn cho công tác điều tra nên hình phạt đề nghị là phù hợp.

Kết thúc phần tranh tụng bị cáo, đại diện VKS thị xã Phở Yên không đưa ra quan điểm đối đáp tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin HĐXX cho được hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Thủ tục tố tụng:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp;

- Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại chị T, anh H, người liên quan anh Nguyễn Văn D, nhưng trước đó đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, HĐXX quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về căn cứ phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tiến D giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung gì thêm, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; kết quả thu thập chứng cứ; kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Do có mối quan hệ đi lại và thường xuyên ngồi quán bán nước của gia đình chị T, anh H nên D có ý định chiếm đoạt tài sản của gia đình chị T, anh H, ngày 31/3/2019, Nguyễn Tiến D đã đến chơi tại quán bán hàng của vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Văn H (kinh doanh hàng nước và tạp hóa ở phường Đồng Tiến, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên). Sau đó, D đưa ra thông tin giả về việc D có anh trai ở dưới Bắc Ninh lên chơi sẽ cầm tiền lên để D trả chị T, anh H tiền vay và tiền bán hộ hai chiếc điện thoại để nhằm mục đích hỏi mượn chiếc xe mô tô Yamaha Exciter màu sơn xanh bạc, BKS 36L1 – 079.29, Do tin tưởng nên chị T đã đồng ý cho mượn xe máy. Sau khi đi khỏi cửa hàng của chị T, D đã tắt nguồn điện thoại không liên lạc được rồi đem chiếc xe cầm cố cho anh Nguyễn Văn D trú tại Bình Sơn, Sông Công, Thái Nguyên, được 8.000.000đ chi tiêu cá nhân hết. Về giá trị tài sản do D chiếm đoạt của chị T, anh H được Hội đồng định giá xác định tại Bản kết luận định giá số 34 ngày 09/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Phổ Yên, là 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Như vậy, bằng lời nói gian dối, đưa ra thông tin giả để người bị hại tin tưởng giao tài sản cho bị cáo nên thực hiện chiếm đoạt chót lọt. Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Tiến D đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Như Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên đã truy tố về tội danh và điều luật viện dẫn là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Cụ thể nội dung điều luật: “Điều 174. “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ, đồng thời còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

Về nhân thân của bị cáo: được coi là chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân cần đề cập để HĐXX cân nhắc mức án trong lượng hình phù hợp với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, đó là: Năm 2012 có hành vi lừa đảo chiếm đoạt máy tính và xe máy của bị hại. Tại Bản án số 386/2012/HSST ngày 30/12/2012, TAND huyện Từ Liêm, TP Hà Nội xử phạt 13 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” Đã chấp hành xong bản án đương nhiên được xóa án tích.

Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại số tiền 3.000.000đ, nộp tại CQĐT Công an thị xã Phổ Yên, mặc dù người bị hại chưa nhận được nhưng thể hiện sự tự nguyện bồi thường của bị cáo. HĐXX xét cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ đã thực hiện bồi thường này. Do vậy, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS theo quy định tại Điều 52 BLHS.

[4]. HĐXX nhận định về hình phạt cần áp dụng: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người trưởng thành, nhận thức đầy đủ hành vi chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật, bị cáo đã lợi dụng sự quen biết và tin tưởng của người bị hại người để chiếm đoạt chót lọt đem cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo

nên HĐXX quyết định hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo nhằm giáo dục đối với bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D.

[6] Lời đề nghị mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phổ Yên tại phiên tòa có căn cứ, đúng luật, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thể hiện đã biết ăn năn, hối cải. HĐXX, xét giảm hình phạt nhẹ hơn so với mức hình phạt mà VKS đề nghị trong phần tranh luận, giúp bị cáo nhanh hoàn lương, hòa nhập cộng đồng và thực hiện tiếp nghĩa vụ dân sự đối với người bị hại.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền đã vay và tiền chuộc tài sản số tiền 7.000.000đ, bị cáo nhất trí bồi thường số tiền theo yêu cầu. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Tiến D có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại chị T, anh H số tiền 7.000.000đ, bị cáo đã nộp trước và chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên số tiền 3.000.000đ, còn phải nộp tiếp 4.000.000đ.

Người bị hại: Chị T, anh H được nhận số tiền do bị cáo Dũng bồi thường trước: 3.000.000đ đã nộp đã chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên.

Người liên quan anh Nguyễn Văn D không yêu cầu bị cáo D bồi thường khoản tiền thế chấp tài sản 4.000.000đ nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[8] Các vấn đề khác: Trong vụ án này, Nguyễn Tiến D còn có hành vi cầm và bán hộ vợ chồng chị T, anh H 02 chiếc điện thoại di động (gồm 01 chiếc điện thoại Iphone 5S và 01 chiếc điện thoại SamSung A5). Tuy nhiên, đây là giao dịch dân sự, mặt khác chị T yêu cầu trả tiền bị cáo nhất trí được HĐXX ghi nhận tại phiên tòa.

Đối với Nguyễn Văn D đã cho D cầm cố chiếc xe mô tô Yamaha Exciter BKS 36L1 – 079.29 với giá 8.000.000 đồng, anh Dân không biết chiếc xe là do Dũng phạm tội mà có. Hành vi không cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý đối với D. Về số tiền thế chấp xe, chị T tự giác hỗ trợ anh D 4.000.000đ, nay anh D không yêu cầu bị cáo bồi thường. HĐXX không đề cập.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định.

Bị cáo, bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tiến D**, phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về hình phạt:

* *Hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tiến D 26** (hai mươi sáu) tháng tù.

Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt 02/10/2019

Căn cứ Điều 329 BLTTHS quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Tiến D 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

* *Về hình phạt bổ sung:* Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; các Điều 357, Điều 468, Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Nguyễn Tiến D có trách nhiệm bồi thường cho chị Nguyễn Thị T, anh Trịnh Văn H 7.000.000đ; đã bồi thường trước số tiền 3.000.000đ, tạm gửi tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên, còn tiếp tục bồi thường tiếp 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Chị T, anh H được nhận số tiền do bị cáo D bồi thường trước: 3.000.000đ (Ba triệu đồng), đã nộp đã chuyển vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên.

(Theo ủy nhiệm chi chuyển tiền điện tử số 11 lập ngày 21 tháng 01 năm 2020 do CQĐT Công an thị xã Phổ Yên nộp vào tài khoản số 3949.0.1054784.00000 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên).

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người bị hại (chị Thúy, anh Hoàng) (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bị cáo Dũng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4 Án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Tiến D phải chịu 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST, tổng cộng phải nộp 500.000đ nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333 BLTTHS

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo tại phiên tòa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người bị

hại (chị T, anh H) và người liên quan (anh D) tại phiên tòa. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an thị xã Phổ Yên;
- VKS nhân dân thị xã Phổ Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Thị hành án thị xã Phổ Yên;
- Bị cáo; Trại tạm giam Công an thị xã PY;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

(Giải thích chế định án treo tại Điều 60 BLHS cho bị cáo, đại diện bị cáo)

Theo quy định của khoản 5 Điều 60 BLHS năm 1999 và Nghị Quyết 01/2013 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, thì người được hưởng án treo phải tuân thủ thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, trong thời gian thử thách nếu phạm tội mới, thì Tòa án quyết định buộc họ phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo Điều 51 BLHS,